

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/KDTM-PT

Ngày 13-8-2024

*“V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Toàn.

Các Thẩm phán: 1. Ông Trương Quyết Thắng.

2. Ông Phùng Chí Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2024/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 5 năm 2024 về *“Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa”*.

Do bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 597/2024/QĐ-PT ngày 10/7/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T

Địa chỉ: 70/342 K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Tuấn M – Chức vụ: Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Đào Nhật M.

Địa chỉ: 70/342 K, phường H, quận T, thành phố Hà Nội. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 56/ITM ngày 24/10/2023). Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu H – Luật sư thuộc Công ty Luật T.

Địa chỉ: Số 68, ngõ 514 T, phường B, quận T, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần I

Địa chỉ: Số nhà 045, đường M, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Tuấn S – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Đức M.

Nơi cư trú: Xóm N, xã Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 782/23/UQ-IBLC ngày 12/12/2023). Có mặt.

3. Người kháng cáo: Công ty Cổ phần I là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều trình bày:

Tháng 3/2020, Công ty Cổ phần I có mua hàng của Công ty (viết tắt là Công ty T), loại mặt hàng là giấy in báo, số lượng 6.453,104 kg, đơn giá 18.000 đồng/01kg, thành tiền là 121.963.666 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) theo hóa đơn số 0010735 ngày 31/3/2020. Việc giao dịch mua bán được thực hiện thông qua giao dịch trên điện thoại, do thời điểm đang có dịch bệnh COVID nên các bên không trực tiếp gặp mặt để ký hợp đồng mà chỉ thỏa thuận qua điện thoại và xuất hóa đơn qua tài khoản Zalo trên điện thoại. Sau khi thống nhất thỏa thuận, Công ty T đã xuất hàng tại kho cho lái xe của công ty Cổ phần I, đồng thời xuất hóa đơn gửi qua Zalo cho người đại diện Công ty Cổ phần I, thời điểm đó là ông Nguyễn Hiền L. Sau khi nhận được hàng, ngày 31/12/2020, Công ty Cổ phần I đã thanh toán cho Công ty T số tiền 50.000.000 đồng (qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Công ty T). Sau đó, mặc dù đã đơn đốc đòi nợ nhiều lần nhưng Công ty Cổ phần I chỉ hứa hẹn, không thanh toán nốt số tiền hàng còn nợ cho Công ty T. Ngày 09/01/2021, giữa hai Công ty đã có bảng xác nhận công nợ có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên Công ty, tính đến ngày xác nhận nợ, Công ty Cổ phần I còn nợ của Công ty T số tiền mua nguyên vật liệu giấy in là 71.963.666 đồng. Việc Công ty Cổ phần I không thanh toán tiền cho Công ty T đã gây cho Công ty nhiều thiệt hại. Đến nay, Công ty Cổ phần I vẫn không thanh toán thêm đồng nào cho Công ty T. Do đó Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần I có trách nhiệm thanh toán trả cho Công ty T số tiền còn nợ là 71.963.666 đồng, nợ lãi: 26.586.353 đồng, cụ thể lãi suất được tính như sau: Từ ngày 01/5/2020 đến ngày 31/12/2020: 121.963.666 đồng x 8,4%/năm = 6.972.256 đồng; từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021: 71.963.666 đồng x 8,4%/năm = 12.257.811 đồng; từ ngày 01/01/2023 đến ngày 04/4/2024: 71.963.666 đồng x 8,0%/năm = 7.356.286 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày 04/4/2024 là 98.550.019 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Tháng 9/2022, Công ty Cổ phần I có sự thay đổi bộ máy quản lý nhân sự dẫn đến việc thất lạc một số hồ sơ, giấy tờ trong quá trình hoạt động trước của Công ty. Hiện nay chưa tìm thấy các hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến giao dịch giữa Công ty T và Công ty Cổ phần I trước đây. Tại đơn yêu cầu phản tố đề ngày 18/12/2023, Công ty Cổ phần I không đồng ý thanh toán khoản nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, vì giữa Công ty T và Công ty Cổ phần I không có hợp đồng mua bán hàng hóa, không có thỏa thuận bằng văn bản, nên giao dịch đó không hề tồn tại. Do đó, Công ty Cổ phần I đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời buộc Công ty T có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần I số tiền 50.000.000 đồng đang chiếm giữ không có căn cứ pháp luật.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai đã Quyết định: Căn cứ khoản 1 Điều 147; 266; 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ các Điều 430, 431, 433, 434, 440 của Bộ luật Dân sự; Căn cứ các Điều 24, 34, 50, 55, 306 của Luật Thương mại; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc Công ty Cổ phần I có nghĩa vụ thanh toán trả cho Công ty T số tiền nợ gốc là: 71.963.666 đồng; tiền lãi suất tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 04/4/2024: 26.586.353 đồng, tổng số tiền Công ty Cổ phần I còn phải thanh toán cho Công ty T là 98.550.019 đồng (Chín mươi tám triệu, năm trăm năm mươi nghìn, không trăm mười chín đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty Cổ phần I còn phải tiếp tục chịu khoản lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 19/4/2024, Công ty Cổ phần I kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử lại vụ án theo hướng: Sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao dịch liên quan đến hóa đơn số 0010735 là không có thực, đồng thời buộc nguyên đơn trả lại 50.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần I.

Tại phiên tòa phúc thẩm.

Bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp nghiên cứu. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng như nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định theo điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần I, giữ nguyên toàn bộ bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Cổ phần I phải trả cho Công ty T số tiền nợ gốc là 71.963.666 đồng và tiền lãi là 26.586.353 đồng. Đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2]. Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần I có đầy đủ các nội dung theo mẫu đơn và đã nộp tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm, nên được xác định là hợp lệ.

[3]. Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, có căn cứ khẳng định: Công ty Cổ phần I và Công ty T có xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa, loại mặt hàng là giấy in báo, số lượng 6.453,104 kg, đơn giá 18.000 đồng/01kg, thành tiền là 121.963.666 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) theo hóa đơn số 0010735 ngày 31/3/2020. Hợp đồng không được lập thành văn bản, được thực hiện thông qua giao dịch trên điện thoại, thỏa thuận bằng lời nói và thông qua các ứng dụng nhắn tin trên thiết bị thông tin điện tử, xuất hóa đơn qua tài khoản Zalo trên điện thoại.

Ngày 30/3/2020, Công ty T đã giao hàng cho Công ty Cổ phần I, việc này được thể hiện qua phiếu xuất kho ngày 30/3/2020 cho người nhận Triệu Văn

Giang, lái xe BKS 29H 193.78. Hàng hóa là Giấy in báo Lào Cai loại Volga 48,8 gam K 84 x 58,5 cm Nga; 17 kiện x 15.000 tờ; 01 kiện x 14.100 tờ. Ông Nguyễn Hiền L thừa nhận và yêu cầu Công ty T cung cấp hóa đơn bán hàng. Công ty T đã xuất hóa đơn bán hàng (Hóa đơn GTGT) số 0010735 ngày 31/3/2020 với số tiền là 121.963.666 đồng.

Tại trang số 9, 10 Vi bằng số 37/2024/VB-TPLPĐ do Văn phòng Thừa phát lại P lập ngày 24/01/2024 thể hiện tin nhắn giữa ông L và bà C: “15:09 ngày 31/3/2020 ông L nhắn tin: *Chị ơi hôm qua chuyển cho em bao nhiêu giấy ạ, Chị gửi cho em phiếu xuất kho nhé*” và hình ảnh hóa đơn giá trị gia tăng ngày 31/3/2020 do bà C gửi cho ông L: *Giấy in báo Nga 48.8gam khổ 84cm (16 cuộn) số lượng 6.453,104 kg, đơn giá 18.000,00 thành tiền 116.155.872, thuế GTGT: 5.807,794, Tổng cộng tiền thanh toán: 121.963.666 đồng; Phần cuối hóa đơn có đóng dấu “bán hàng qua điện thoại” (trang 9, 10 vi bằng lập ngày 24/01/2024).*

Ngày 04/7/2020, Công ty Cổ phần I và Công ty T có xác nhận công nợ, Công ty Cổ phần I nợ Công ty T số tiền 121.963.666 đồng. Bảng xác nhận công nợ do ông Lê Thanh P – Giám đốc Công ty Cổ phần I và bà Nguyễn Thị Thu H – Kế toán trưởng Công ty T ký xác nhận.

Tại phiếu báo có lập ngày 31/12/2020 thể hiện: Công ty Cổ phần I đã thanh toán số tiền 50.000.000 đồng cho Công ty T.

Ngày 09/01/2021, Công ty Cổ phần I và Công ty T có xác nhận công nợ, Công ty Cổ phần I nợ Công ty T số tiền 71.963.666 đồng. Bảng xác nhận công nợ do ông Nguyễn Hiền L – Giám đốc Công ty Cổ phần I và ông Hoàng Tuấn M – Giám đốc Công ty T ký xác nhận.

[4]. Xét kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần I, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Công ty Cổ phần I cho rằng: Giữa Công ty T và Công ty Cổ phần I không có hợp đồng mua bán hàng hóa, không có thỏa thuận bằng văn bản, giao dịch liên quan đến hóa đơn số 0010735 là không có thực, đồng thời tuyên buộc Công ty T có trách nhiệm hoàn trả cho Công ty Cổ phần I số tiền 50.000.000 đồng đang chiếm giữ không có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ, chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[5]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T, buộc Công ty Cổ phần I phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty T số tiền nợ gốc 71.963.666 đồng, tiền lãi suất tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 04/4/2024: 26.586.353 đồng. Tổng cộng 98.550.019 đồng là có căn cứ pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, nên bị đơn Công ty Cổ phần I phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần I. Giữ nguyên toàn bộ nội dung bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 07/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lào Cai.

2. Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Công ty Cổ phần I phải chịu án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 đồng (*hai triệu đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000569, ngày 02/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lào Cai. Công ty Cổ phần I đã nộp đủ án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lào Cai;
- TAND thành phố L;
- Cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Toàn

